

Số: 891/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một

số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ Xây dựng tại Tờ trình số 20/TTr-BXD ngày 31 tháng 5 năm 2024, Tờ trình bổ sung số 36/TTr-BXD ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Báo cáo số 215/BC-BXD ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Bộ Xây dựng về Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo giải trình, tiếp thu các ý kiến rà soát của thành viên Hội đồng thẩm định đối với hồ sơ hoàn thiện theo Kết luận của Hội đồng thẩm định; Báo cáo thẩm định số 39/BC-HĐTĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại Thông báo số 360/TB-VPCP ngày 03 tháng 8 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ; Báo cáo số 215/BC-BXD ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Bộ Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

1. Phạm vi ranh giới lập Quy hoạch

Toàn bộ lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo, lòng đất, vùng biển, vùng trời Việt Nam.

2. Quan điểm, mục tiêu, vai trò và vị trí của Quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia

a) Quan điểm phát triển

- Phát huy tối đa lợi thế của quốc gia, vùng, địa phương để phát triển đô thị trở thành động lực giữ vai trò nòng cốt trong phát triển kinh tế đất nước, phát triển hài hòa đô thị và nông thôn.

- Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, kế thừa các kết quả đạt được sau hơn 35 năm đổi mới; tổ chức không gian phù hợp với tiềm năng lợi thế khu vực; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đất đai, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái; bảo tồn di sản kiến trúc, cảnh quan, đô thị, bản sắc văn hóa vùng, miền và nâng cao chất lượng đô thị - nông thôn; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Phát triển hệ thống đô thị theo mô hình mạng lưới; có trọng tâm, trọng điểm; tập trung phát triển vùng đô thị lớn, các đô thị lớn, có năng lực cạnh tranh để hình thành các cực tăng trưởng quốc gia, cạnh tranh quốc tế; tập trung phát triển đô thị, nông thôn tại một số địa bàn có điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, nguồn nhân lực chất lượng cao và các tiềm năng, lợi thế khác để hình thành vùng động lực, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng, tạo hiệu ứng lan tỏa thúc đẩy đến các đô thị vừa và nhỏ, đô thị miền núi và hải đảo, các khu vực nông thôn.

- Xây dựng nông thôn hiện đại, tăng cường liên kết nông thôn - đô thị, thúc đẩy đô thị hóa nông thôn. Tổ chức phân bố đô thị, nông thôn hợp lý tạo sự phát triển cân đối hài hòa giữa các vùng, các tỉnh; có cơ chế, chính sách, nguồn lực phù hợp với điều kiện của nền kinh tế để bảo đảm cung cấp các dịch vụ hạ tầng, đặc biệt là dịch vụ về văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục; từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các địa bàn thuận lợi và địa bàn khó khăn miền núi, hải đảo; giữa các đô thị lớn với đô thị vừa và nhỏ, giữa đô thị với nông thôn.

- Tổ chức không gian phát triển đô thị, nông thôn hiệu quả; gắn kết giữa khu vực đất liền với không gian biển; gắn kết với hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình trọng điểm quốc gia về giao thông đường bộ, đường thủy, đường hàng không; chú trọng việc kết nối các hành lang kinh tế trong nước với các hành lang kinh tế của khu vực và quốc tế. Xây dựng và phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông thôn với cấp độ thích hợp; quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả không gian ngầm, không gian trên cao; từng bước hiện đại hóa hệ thống hạ tầng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và áp dụng kinh tế tuần hoàn, tiến bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của từng đô thị và khu vực nông thôn. Phát triển đô thị, nông thôn phù hợp với các chương trình mục tiêu quốc gia, các cam kết quốc tế, các chỉ đạo chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước liên quan đến việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2023 - 2030.

b) Mục tiêu phát triển

- Mục tiêu đến năm 2030

Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa, phát triển, sắp xếp, phân bố hệ thống đô thị và nông thôn thống nhất, hiệu quả, toàn diện, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại phù hợp với điều kiện phát triển, có môi trường sống lành mạnh, có khả năng chống chịu, thích ứng nước biển dâng, biến đổi khí hậu, thân thiện môi trường và giảm phát thải.

Phát triển bền vững hệ thống đô thị theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực có kiến trúc hiện đại, xanh, bản sắc. Phát triển các đô thị là “trung tâm” chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học công nghệ, đầu mối giao thông, thu hút đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, đổi mới

sáng tạo, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội, làm động lực phát triển kinh tế các vùng đô thị tạo hiệu ứng “tích tụ”, “kết nối” và “liên kết” chặt chẽ với nông thôn tại các vùng trên địa bàn cả nước; tăng cường hợp tác quốc tế. Chất lượng sống tại các đô thị ở mức cao.

Phát triển nông thôn toàn diện, bền vững gắn với phát triển đô thị, đô thị hóa, có cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ và tiệm cận với khu vực đô thị; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của từng vùng miền; xây dựng nông thôn xanh, sạch, đẹp. Phát triển kinh tế, xã hội nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái có hiệu quả cao, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

- Tầm nhìn đến 2050

Hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền, có khả năng chống chịu, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, kiến trúc tiêu biểu giàu bản sắc, xanh, hiện đại, thông minh; có vai trò, vị thế xứng đáng trong mạng lưới đô thị châu Á - Thái Bình Dương, có tính cạnh tranh cao trong phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, khu vực và quốc tế. Xây dựng được ít nhất 05 đô thị đạt tầm cỡ quốc tế, giữ vai trò là đầu mối kết nối và phát triển với mạng lưới khu vực và quốc tế. Cơ cấu kinh tế khu vực đô thị phát triển theo hướng hiện đại với các ngành kinh tế xanh, kinh tế số chiếm tỷ trọng lớn.

Nông thôn có môi trường sống kết nối chặt chẽ, hài hòa với đô thị, văn minh, xanh, sạch, đẹp giàu bản sắc văn hóa dân tộc với điều kiện sống, thu nhập dân cư nông thôn tiệm cận với đô thị.

c) Vai trò và vị trí của Quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia

Trong hệ thống quy hoạch quốc gia theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là quy hoạch ngành quốc gia được định hướng bởi Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch sử dụng đất quốc gia và song song tích hợp với các quy hoạch ngành khác như quy hoạch ngành kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học. Theo đó, Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn đã cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia về hệ thống đô thị và nông thôn trên cơ sở kết nối các ngành, các vùng có liên quan. Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn là cơ sở để lập và quản lý thực hiện phát triển đô thị, nông thôn, được nghiên cứu đồng thời với các quy hoạch cấp dưới là các quy hoạch vùng và các quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

Mục tiêu lập quy hoạch nhằm phát triển đô thị và nông thôn gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội; phát huy vai trò của các vùng đô thị lớn, đô thị cực lớn và lớn, trục hành lang kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm, hình thành

các cực tăng trưởng quốc gia có tính cạnh tranh quốc tế; phát triển bền vững về môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; kết cấu hạ tầng đồng bộ; từng bước xây dựng và phát triển nông thôn theo hướng bền vững; liên kết chặt chẽ giữa đô thị với nông thôn; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Vai trò Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn bao gồm tổ chức hệ thống các đô thị và khu dân cư nông thôn trên toàn quốc nhằm phát triển đô thị và nông thôn bền vững trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, bản sắc văn hóa vùng miền, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thời kỳ 2021 - 2030. Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn là một công cụ quản lý chiến lược hệ thống đô thị và nông thôn; xác định các chỉ số tăng trưởng đô thị hoá, kế hoạch phát triển hệ thống đô thị cân bằng giữa các vùng miền và trong quá trình chuyển đổi đơn vị hành chính từ nông thôn sang đô thị.

3. Định hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn

a) Các chỉ tiêu phát triển đô thị, nông thôn thời kỳ đến năm 2030

- Hệ thống đô thị: Tỷ lệ đô thị hoá năm 2030 đạt trên 50%; năm 2050 đạt 70%; số lượng đô thị toàn quốc khoảng 1.000 - 1.200 đô thị; hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đạt các chỉ tiêu về y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa cấp đô thị tương đương mức bình quân của các đô thị thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN; kinh tế khu vực đô thị đóng góp vào GDP cả nước khoảng 85%; xây dựng được mạng lưới đô thị thông minh trung tâm cấp quốc gia và cấp vùng kết nối quốc tế và 03 - 05 đô thị có thương hiệu được công nhận tầm khu vực và quốc tế vào năm 2030.

Dân số đô thị tăng trung bình 3,37 - 4,13%/năm trong giai đoạn 2025 - 2030; tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1,9 - 2,3%, phù hợp với đặc trưng sử dụng đất vùng miền.

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 16 - 26%; diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 8 - 10 m²; diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt tối thiểu 32 m²; phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang, phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%; tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch đảm bảo chất lượng nước sạch đạt 100%; tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại các đô thị loại II trở lên đạt 40 - 45%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom đạt dưới 10%.

- Hệ thống nông thôn: Cả nước có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; phần đầu cả nước có khoảng 70% số huyện, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; trong đó 35% số

huyện đạt chuẩn được công nhận là huyện nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới kiểu mẫu; phấn đấu 100% huyện có đô thị.

Phấn đấu 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 3 loại hình thiết chế văn hóa, gồm: Trung tâm Văn hóa hoặc Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật, bảo tàng, thư viện; 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao.

b) Định hướng phát triển chung

- Phát triển hệ thống đô thị, nông thôn dựa trên đặc điểm lãnh thổ tự nhiên trên đất liền, biển, hải đảo; đặc điểm lịch sử, văn hóa, định cư và hiện trạng phân bố dân cư. Nâng cao chất lượng phát triển đô thị, nông thôn về kinh tế, xã hội, kết cấu hạ tầng, nhà ở và môi trường sống của người dân.

Phát triển đô thị, nông thôn đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Lựa chọn các đô thị có lợi thế đặc biệt để xây dựng thành trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ... có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế. Ưu tiên phát triển các đô thị gắn với các hành lang kinh tế thành các đô thị trung tâm phù hợp với chức năng của từng vùng, thúc đẩy lan tỏa phát triển.

Phát triển thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố khác trực thuộc trung ương trở thành các đô thị năng động, sáng tạo, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị, có vai trò quan trọng trong mạng lưới đô thị của khu vực Đông Nam Á và châu Á. Quy hoạch đô thị lớn gắn với giao thông công cộng (TOD), chú trọng khai thác không gian ngầm, phát triển các đô thị vệ tinh giảm tải cho đô thị trung tâm.

- Phát triển hệ thống đô thị bền vững theo mạng lưới; phân bố hợp lý, đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng; dựa trên định hướng khung hạ tầng giao thông quốc gia, liên kết ngành lĩnh vực, đẩy nhanh tốc độ phát triển đô thị tạo động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Phát triển đô thị vừa và nhỏ trong mối quan hệ chặt chẽ, chia sẻ chức năng với các đô thị lớn, giảm dần khoảng cách phát triển giữa các đô thị. Chú trọng phát triển các đô thị nhỏ, vùng ven đô để hỗ trợ phát triển nông thôn thông qua các mối liên kết đô thị, nông thôn. Phát triển các mô hình đô thị đặc thù như đô thị chuyên ngành là trung tâm quốc gia hoặc cấp vùng về văn hoá, di sản, du lịch, đại học, sáng tạo, khoa học, kinh tế cửa khẩu; đô thị biên giới, biển đảo.

Phát triển đô thị có chức năng tổng hợp theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; kết hợp phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Hình thành mạng lưới đô thị thông minh kết nối với khu vực và thế giới. Phát triển hệ thống đô thị ven biển và hải đảo theo hướng bền vững, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên. Chú trọng phát triển đô thị trên cơ sở bảo tồn, phát huy các yếu tố di tích lịch sử, di sản văn hóa. Phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa quốc gia

bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa. Đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, chia sẻ của mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao trên từng địa bàn đô thị, nông thôn.

- Phát triển mạng lưới khu dân cư nông thôn là hạt nhân quan trọng của khu vực nông thôn, được quy hoạch gắn với bảo vệ tài nguyên tự nhiên, văn hóa truyền thống; phù hợp với các vùng sinh thái nông nghiệp; đảm bảo an ninh, quốc phòng của đất nước. Quy hoạch lấy cư dân nông thôn là chủ thể, trung tâm và được hưởng lợi chính từ thành quả của các hoạt động phát triển nông thôn, tạo cơ hội bình đẳng trong tiếp cận các điều kiện phát triển và hưởng thụ phúc lợi xã hội. Xây dựng nông thôn mới phát huy lợi thế, tiềm năng từng vùng miền, gắn kết chặt chẽ với quá trình đô thị hoá.

Phát triển khu dân cư nông thôn kết nối với đô thị vừa và nhỏ cấp huyện, cấp tỉnh, cấp vùng; chú trọng đô thị hoá nông thôn và quản lý phát triển vùng nông thôn ven đô bền vững; phát triển kinh tế nông thôn xanh, đa dạng, chủ động tạo sinh kế nông thôn từ hoạt động phi nông nghiệp; hiện đại hóa hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, đáp ứng cơ bản đời sống của người dân nông thôn tiến dần chất lượng đô thị.

- Về yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã: Phát triển hệ thống đô thị, nông thôn đảm bảo tính đồng bộ, tổng thể, phù hợp các tiêu chuẩn về đơn vị hành chính đô thị, đơn vị hành chính nông thôn theo quy định và các yêu cầu đặc thù khác. Phạm vi ranh giới cụ thể của từng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải phù hợp với từng giai đoạn phát triển được xác định tại quy hoạch tỉnh.

c) Định hướng tổ chức không gian hệ thống đô thị

- Khung định hướng phát triển không gian hệ thống đô thị

Phát triển hệ thống đô thị Việt Nam theo mô hình mạng lưới, phân bố hợp lý tại các vùng kinh tế xã hội, vùng đô thị lớn gắn với các cực tăng trưởng của đất nước trong môi liên kết tầng bậc, cấp, loại đô thị; tạo thành hình thái không gian kết nối chuỗi, dải và chùm đô thị, được phân bố hợp lý theo các vùng miền.

Mạng lưới đô thị quốc gia gồm: Các vùng đô thị, các đô thị trung tâm các cấp, bao gồm: Đô thị trung tâm cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh, huyện và cụm xã nông thôn. Mạng lưới đô thị quốc gia tạo nên hình thái không gian kết nối theo chuỗi, dải và chùm đô thị tại các vùng kinh tế - xã hội, dọc theo 02 hành lang kinh tế quốc gia gắn với chiến lược biển và đường Hồ Chí Minh; hành lang vành đai biên giới (Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia) gắn với kinh tế cửa khẩu, an ninh quốc phòng và các trục hành lang Đông - Tây.

Các vùng đô thị được xác định theo Nghị quyết số 81/2023/QH15 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Các đô thị trung tâm cấp quốc gia là đô thị đặc biệt (cực lớn), đô thị loại I (đô thị lớn) được xác định trong quy hoạch giữ vai trò là các đô thị động lực, cực tăng trưởng chủ đạo trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế toàn vùng lãnh thổ quốc gia hoặc vùng liên tỉnh.

Các đô thị trung tâm cấp vùng là các đô thị loại I, II, III (đô thị lớn hoặc trung bình) được xác định trong quy hoạch giữ vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng của một vùng liên tỉnh, vùng tỉnh; liên kết hỗ trợ thúc đẩy phát triển các đô thị trung tâm cấp tỉnh, cấp huyện tương ứng với đô thị loại III, IV, V (đô thị trung bình hoặc nhỏ) tạo nên thế và lực trong tổng thể hệ thống đô thị toàn quốc và trên các hành lang, vành đai kinh tế động lực.

- Các vùng đô thị (04 vùng):

+ Vùng đô thị Hà Nội là vùng đô thị lớn gồm các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hoà Bình và Phú Thọ.

Xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội là cực tăng trưởng quốc gia và các đô thị lân cận của các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, vùng trung du và miền núi phía Bắc nhằm chia sẻ chức năng về giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học, công nghệ, thương mại, dịch vụ, du lịch và hạn chế sự tập trung quá mức vào đô thị trung tâm Hà Nội, phù hợp với hệ sinh thái lưu vực sông Hồng và sông Thái Bình.

Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng đô thị và hạ tầng kết nối đồng bộ, hiện đại, tăng năng lực kết nối nhanh các trục từ Hà Nội kết nối với Hải Phòng, Hạ Long và các đô thị lớn của vùng (thành phố Vĩnh Yên, Bắc Ninh, Phủ Lý, Thái Nguyên, Hòa Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Giang là cực tăng trưởng thứ cấp của vùng); hoàn chỉnh các đường vành đai 4, vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội và các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt vành đai phía Đông thành phố Hà Nội, chuẩn bị hạ tầng kết nối và phát triển sân bay thứ hai phía Nam vùng Thủ đô, thúc đẩy liên kết và lan tỏa phát triển kinh tế - xã hội cho cả khu vực phía Bắc. Hình thành các vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ dọc theo các đường vành đai 4, vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội và quốc lộ 18, quốc lộ 5 Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Quảng Ninh.

+ Vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh là vùng đô thị lớn gồm các tỉnh/thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Bình Phước, Long An, Tiền Giang.

Xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh là cực tăng trưởng quốc gia và các đô thị lân cận của các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long nhằm chia sẻ chức năng về dịch vụ, công nghiệp, giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, hạn chế sự tập trung quá mức vào đô thị

trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với hệ sinh thái lưu vực sông Đồng Nai và sông Mê Kông.

Xây dựng các trục kết nối nhanh từ Thành phố Hồ Chí Minh với các đô thị lớn (thành phố Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Vũng Tàu, Tân An, Mỹ Tho là cực tăng trưởng thứ cấp của vùng); hoàn thành các đường vành đai 3, vành đai 4 và các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt kết nối sân bay, cảng biển cửa ngõ quốc tế, thúc đẩy liên kết và lan tỏa phát triển kinh tế - xã hội cho cả khu vực phía Nam. Hình thành các vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ dọc theo các đường vành đai 3, vành đai 4. Phát triển thành phố sân bay cửa ngõ quốc tế Long Thành.

+ Vùng đô thị Đà Nẵng gồm các thành phố Đà Nẵng, Huế và các đô thị lân cận thuộc tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng, thành phố Huế là cực tăng trưởng, động lực quan trọng, đóng vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, khu vực Bắc Tây Nguyên; cùng với chuỗi các đô thị động lực của các tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ (thành phố Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Quy Nhơn) trở thành trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin; là một trong những trung tâm giáo dục, đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học, công nghệ của đất nước gắn với hệ sinh thái biển miền Trung; trung tâm tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế.

Khai thác hiệu quả tiềm năng khu kinh tế biển, đầu mối kết nối hành lang kinh tế Bắc Nam và Đông - Tây, tạo hiệu ứng lan tỏa đến các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung.

+ Vùng đô thị Cần Thơ gồm thành phố Cần Thơ và các đô thị lân cận thuộc các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp.

Xây dựng thành phố Cần Thơ là cực tăng trưởng động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long; cùng với các đô thị Long Xuyên, Rạch Giá, Vĩnh Long, Cao Lãnh trở thành trung tâm dịch vụ thương mại, du lịch, logistics, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giáo dục, đào tạo, y tế chuyên sâu, khoa học, công nghệ, văn hóa, thể thao của cả vùng gắn với hệ sinh thái vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Khai thác trục giao thông kết nối Cần Thơ - Mỹ Thuận - Trung Lương - thành phố Hồ Chí Minh và Châu Đốc - Cần Thơ - Hậu Giang - Sóc Trăng để tập trung phát triển đô thị, tạo sự lan tỏa tới các khu vực khác trong vùng. Khai thác trục cao tốc Lộ Tè - Rạch Sỏi qua Cao Lãnh, Mỹ An (Đồng Tháp) - Đức Hòa (Long An) song song với tuyến Cần Giò - Mỹ Thuận - Trung Lương - Thành phố Hồ Chí Minh để tập trung phát triển đô thị, tăng cường liên kết phát triển kinh tế - xã hội trong vùng đô thị Cần Thơ với Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ; đảm bảo việc phát triển các đô thị Cần Thơ, Long Xuyên,

Cao Lãnh, Vĩnh Long (khu vực phát triển động lực trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long) thành điểm hội tụ của các hành lang phát triển trên hành lang vận tải quan trọng của vùng.

- Hệ thống đô thị trung tâm quốc gia (đô thị loại đặc biệt và loại I)

Gồm các thành phố trực thuộc trung ương, đô thị loại đặc biệt, loại I.

+ Xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội là thành phố "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại", có vị thế nổi trội về văn hoá, lịch sử khu vực Đông Nam Á; trung tâm động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao với khu vực và thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm thủ đô các nước; phát triển trong khu vực. Xây dựng các thành phố trực thuộc, đô thị vệ tinh liên kết với đô thị trung tâm tạo thành hạt nhân của vùng đô thị Hà Nội.

Quy hoạch thủ đô Hà Nội là thành phố toàn cầu, thông minh, năng động, sáng tạo; đô thị đầu tàu về văn hóa, đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ của cả nước; trung tâm giao dịch quốc tế, dịch vụ giáo dục, đào tạo, y tế, tài chính, ngân hàng chất lượng cao; đầu mối giao thông quan trọng của khu vực và quốc tế. Khai thác lợi thế sông Hồng tạo lập hình ảnh thương hiệu đô thị. Tập trung xây dựng hạ tầng đô thị hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, thoát nước, sớm khắc phục tình trạng tắc nghẽn, ngập úng. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án đường sắt đô thị; xây dựng thêm các cầu qua sông Hồng, sông Đuống. Quản lý, khai thác không gian ngầm gắn với nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ đất đô thị.

Xây dựng các thành phố trực thuộc thành phố Hà Nội, thị xã, các quận, các đô thị vệ tinh và các đơn vị hành chính đô thị, nông thôn trực thuộc có hạ tầng đồng bộ, tiện ích và dịch vụ đô thị, giao thông kết nối thuận tiện với trung tâm, giảm tải khu vực nội đô và mở rộng không gian phát triển của thành phố Hà Nội.

+ Xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có vị thế nổi trội về kinh tế và đổi mới sáng tạo khu vực Đông Nam Á; thu hút các định chế tài chính và tập đoàn kinh tế quốc tế trở thành trung tâm động lực thúc đẩy phát triển vùng Đông Nam Bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng; tiến tới phát triển ngang tầm các đô thị lớn trên thế giới, trở thành trung tâm tài chính, dịch vụ của châu Á; xây dựng các thành phố trực thuộc, đô thị vệ tinh liên kết với đô thị trung tâm tạo thành đô thị hạt nhân của vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh.

Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố toàn cầu, hiện đại, năng động; chuyển nhanh sang dịch vụ chất lượng cao, trở thành trung tâm tài chính quốc tế có tính cạnh tranh trong khu vực; đi đầu về công nghiệp công nghệ cao, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục, đào tạo, y tế chuyên sâu và là

đầu mối giao thương với quốc tế. Khai thác lợi thế sông Sài Gòn và sông Đồng Nai tạo lập hình ảnh thương hiệu đô thị. Chú trọng khai thác không gian ngầm gắn với khai thác hiệu quả quỹ đất đô thị. Nghiên cứu khai thác tiềm năng và lợi thế để phát triển khu vực Thủ Đức, Cần Giờ trở thành động lực tăng trưởng mới cho Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trở thành thành phố thuộc nhóm dẫn đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và của cả nước; có công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững; kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại kết nối thuận lợi với trong nước và quốc tế bằng cả đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không; trọng điểm dịch vụ logistics; trung tâm quốc tế về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, kinh tế biển; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao ngang tầm với các thành phố tiêu biểu ở châu Á; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

+ Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ; là một trong những trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học - công nghệ phát triển của đất nước; trung tâm tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế; thành phố cảng biển, đô thị biển quốc tế với vị trí là hạt nhân của chuỗi đô thị và cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên; trở thành đô thị sinh thái, hiện đại và thông minh, thành phố đáng sống, có tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, chính quyền tiên phong trong đổi mới và phát triển, người dân có mức sống thuộc nhóm địa phương dẫn đầu cả nước với chất lượng cuộc sống tốt, thân thiện, hạnh phúc và sáng tạo; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

+ Xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ là thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại mang đậm bản sắc văn hóa sông nước vùng đồng bằng sông Cửu Long; là trung tâm của vùng về dịch vụ thương mại, du lịch, logistics, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao; là đô thị hạt nhân vùng đồng bằng sông Cửu Long.

+ Xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế thành thành phố trực thuộc trung ương là đô thị văn hóa di sản quốc gia với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, bản sắc Huế, thông minh, hướng biển, thích ứng và bền vững; là đô thị lớn thuộc nhóm có trình độ phát triển kinh tế ở mức cao của cả nước; thành phố Festival, trung tâm văn hóa - du lịch, giáo dục, khoa học công nghệ và y tế

chuyên sâu của cả nước và châu Á; là điểm đến an toàn, thân thiện, hạnh phúc; kết hợp Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Bắc Quảng Nam hình thành vùng đô thị du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng biển và du lịch di sản văn hóa thế giới có tầm quốc tế cao ở châu Á - Thái Bình Dương.

+ Xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa là thành phố trực thuộc trung ương trên cơ sở phát huy cao độ tiềm năng và lợi thế về biển, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; từng bước xây dựng và phát triển chuỗi đô thị dịch vụ cảng biển quốc tế gắn với phát triển cảng Vân Phong, Cam Ranh phục vụ du lịch, quốc phòng.

+ Trong quá trình đô thị hóa, một số tỉnh có chủ trương của Đảng và được tập trung đầu tư xây dựng, đáp ứng điều kiện và các tiêu chí phân loại đô thị và tiêu chuẩn của đơn vị hành chính thì được xem xét nâng cấp trở thành thành phố trực thuộc trung ương, đảm nhiệm vai trò trung tâm cấp quốc gia.

- Hệ thống đô thị trung tâm cấp vùng

Đô thị loại I, II, III là các thành phố đô thị trung tâm các vùng:

Vùng Trung du và miền núi phía Bắc, phân thành 03 tiểu vùng: Vùng núi Đông Bắc Bộ; vùng núi Bắc Bắc Bộ và vùng núi Tây Bắc Bộ. Các thành phố Thái Nguyên, Việt Trì, Bắc Giang, Hòa Bình, Lạng Sơn, Lào Cai, Điện Biên Phủ là đô thị trung tâm vùng;

Vùng đồng bằng sông Hồng: Các thành phố Hạ Long, Hải Dương, Nam Định là đô thị trung tâm vùng;

Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, phân thành 03 tiểu vùng bao gồm: Vùng Bắc Trung Bộ, vùng Trung Trung Bộ và vùng Nam Trung Bộ; các thành phố Thanh Hoá, Vinh, Quy Nhơn, Nha Trang là đô thị trung tâm vùng;

Vùng Tây Nguyên: Các thành phố Buôn Ma Thuột, Pleiku, Đà Lạt là đô thị trung tâm vùng;

Vùng Đông Nam Bộ: Các thành phố Thủ Dầu Một, Biên Hoà, Vũng Tàu là đô thị trung tâm vùng;

Vùng đồng bằng sông Cửu Long: Các đô thị là trung tâm tổng hợp, trung tâm chuyên ngành của vùng, tiểu vùng bao gồm: Thành phố Cần Thơ, Mỹ Tho, Tân An, Long Xuyên, Rạch Giá, Cà Mau, Sóc Trăng.

Danh mục các đô thị loại đặc biệt, I, II, III được quy hoạch trong giai đoạn 2023 - 2030 được nêu tại Phụ lục.

- Hệ thống đô thị trung tâm cấp tỉnh, huyện

Hệ thống đô thị trung tâm cấp tỉnh: Đô thị loại I, II, III và IV là các thành phố, thị xã, đô thị trung tâm cấp vùng kể trên và các đô thị trung tâm tỉnh lỵ, giữ vai trò là trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu của các tỉnh; các thành phố trực thuộc trung ương hoặc đô thị trung tâm chuyên ngành của thuộc tỉnh.

Hệ thống đô thị trung tâm huyện: Đô thị loại IV, V là các thị trấn, đô thị mới giữ vai trò là trung tâm huyện lỵ và trung tâm chuyên ngành thuộc huyện, giữ vai trò liên kết nông thôn - đô thị, thúc đẩy sự phát triển các khu vực nông thôn; được cụ thể hóa trong phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn của quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chuỗi, chùm đô thị

Tùy thuộc vào đặc điểm của điều kiện tự nhiên, các mối quan hệ và nguồn lực phát triển, các chuỗi và chùm đô thị được bố trí hợp lý tại các vùng kinh tế xã hội, vùng đô thị lớn; dọc hành lang biên giới, ven biển, hải đảo và trên các tuyến hành lang kinh tế Bắc - Nam, Đông - Tây, tạo mối liên kết hợp lý trong mỗi vùng và trên toàn bộ lãnh thổ quốc gia, gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh, quốc phòng:

Vùng đồng bằng sông Hồng: Chùm đô thị Hà Nội với Thủ đô Hà Nội là trung tâm (vùng đô thị lớn Hà Nội); chuỗi đô thị ven biển phía Bắc với thành phố Hạ Long, Hải Phòng là trung tâm (vùng duyên hải Bắc Bộ);

Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ: Chùm, chuỗi đô thị Bắc Giang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Đồng Đăng, Bắc Kạn, Cao Bằng, với thành phố Thái Nguyên, Bắc Giang và Lạng Sơn là trung tâm (Vùng núi Đông Bắc Bộ); chùm, chuỗi đô thị Lào Cai, Sa Pa, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Việt Trì, với thành phố Việt Trì và Lào Cai là trung tâm (Vùng núi Bắc Bắc Bộ); chuỗi đô thị Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Hòa Bình, với thành phố Hòa Bình và Điện Biên là trung tâm (Vùng núi Tây Bắc Bộ);

Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung: Chuỗi đô thị Thanh Hóa, Sầm Sơn, Nghi Sơn, Vinh (và Cửa Lò), Hoàng Mai, Hồng Lĩnh và Hà Tĩnh, với thành phố Thanh Hoá và thành phố Vinh là trung tâm (Vùng Bắc Trung Bộ); chuỗi đô thị Ba Đồn, Đồng Hới, Đông Hà, Quảng Trị, Huế và Chân Mây; Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ, Quảng Ngãi và Quy Nhơn, với thành phố Thừa Thiên Huế, thành phố Đà Nẵng và thành phố Quy Nhơn là trung tâm (Vùng Trung Trung Bộ); chuỗi đô thị Tuy Hoà, Vân Phong, Nha Trang, Cam Ranh, Phan Rang Tháp Chàm và Phan Thiết, với cụm đô thị Vân Phong, Nha Trang, Cam Ranh (thành phố Khánh Hòa) là trung tâm (Vùng Nam Trung Bộ);

Vùng Tây Nguyên: Chuỗi đô thị Kon Tum, Plâyku, Buôn Ma Thuột, Gia Nghĩa gắn với hành lang quốc lộ 14 với thành phố Buôn Ma Thuột là trung tâm; chùm đô thị Đà Lạt, Bảo Lộc, Di Linh với thành phố Đà Lạt là trung tâm;

Vùng Đông Nam Bộ: Chùm đô thị Thành phố Hồ Chí Minh với Thành phố Hồ Chí Minh (vùng đô thị lớn Thành phố Hồ Chí Minh);

Vùng đồng bằng sông Cửu Long: Chuỗi đô thị từ Cần Thơ đến Long An, định hướng đẩy mạnh đô thị hóa, công nghiệp hóa dọc các tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Mỹ An (Đồng Tháp) - Đức Hòa (Long An), tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đoạn Cần Thơ - Bến Lức (Long An) và khu vực dọc hành lang vận tải thủy nội địa Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ; chuỗi đô thị dọc sông Tiền - sông Hậu thành vùng đô thị đối trọng với vùng Thành phố Hồ Chí Minh; phát triển các đô thị: Cần Thơ, Long Xuyên, Cao Lãnh, Vĩnh Long thành điểm hội tụ của các hành lang phát triển trên hành lang vận tải quan trọng của vùng;

Dọc hành lang kinh tế Bắc - Nam: Hình thành các chùm, chuỗi đô thị trên tuyến hành lang kinh tế (i) vùng phía Đông gắn với cao tốc Bắc - Nam và quốc lộ 1A từ Lạng Sơn đến Cà Mau và vùng phía Tây, gắn với đường Hồ Chí Minh và cao tốc Bắc - Nam phía Tây; (ii) các vùng động lực có cảng hàng không quốc tế và cảng biển quốc tế, có tiềm lực khoa học công nghệ, nhân lực chất lượng cao; tam giác Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, tứ giác Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Đồng Nai - Bà Rịa Vũng Tàu, (iii) khu ven biển Đà Nẵng - Thừa Thiên Huế - Quảng Nam; và (iv) tam giác Cần Thơ - An Giang - Kiên Giang;

Dọc các hành lang kinh tế Đông - Tây: Hình thành các chùm, chuỗi đô thị kết nối cửa khẩu và cửa biển, các vùng của Việt Nam với các quốc gia thuộc tiểu vùng sông Mê Kông gồm: (i) Hành lang Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; (ii) Hành lang Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu; (iii) Hành lang Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình - Hà Nội; (iv) Hành lang Cầu Treo - Vũng Áng; (v) Hành lang Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng; (vi) Hành lang Bờ Y - Pleiku - Quy Nhơn; hành lang Bờ Y - Quảng Nam - Đà Nẵng; hành lang Buôn Ma Thuột - Khánh Hòa... (vii) Hành lang Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng; (viii) Hành lang Hà Tiên - Rạch Giá - Cà Mau.

- Đô thị trung tâm chuyên ngành cấp quốc gia, cấp vùng

Phát huy tiềm năng, lợi thế nổi trội về địa chính trị, kinh tế, văn hoá, cảnh quan môi trường... của mỗi vùng miền; phát triển các đô thị là trung tâm chuyên ngành cấp quốc gia, cấp vùng có vai trò và chức năng chủ yếu về một hoặc nhiều lĩnh vực như: kinh tế tài chính; cảng - dịch vụ logistic; công nghiệp, đổi mới sáng tạo; tri thức, đào tạo, khoa học công nghệ, du lịch, di tích lịch sử, di sản văn hóa, thể thao.

+ Đô thị trung tâm tài chính cấp quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh; đô thị trung tâm tài chính cấp vùng tại các thành phố trực thuộc trung ương.

+ Đô thị trung tâm cảng - dịch vụ logistic cấp quốc gia tại Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh; đô thị trung tâm cảng - dịch vụ logistic cấp vùng tại Đà Nẵng, Vân Phong và các đô thị có cảng biển loại I; đô thị trung tâm sân bay - dịch vụ logistics tại Long Thành (Thành phố Hồ Chí Minh), Nhật Tân - Nội Bài (Thủ đô Hà Nội), Cam Lâm (tỉnh Khánh Hòa)...

+ Đô thị trung tâm công nghiệp, đổi mới sáng tạo cấp quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương; đô thị trung tâm công nghiệp cấp vùng tại các đô thị có tiềm năng phát triển công nghiệp công nghệ cao, trong vùng kinh tế trọng điểm.

+ Đô thị trung tâm tri thức, đào tạo, khoa học công nghệ cấp quốc gia tại Hòa Lạc, Thủ Đức; đô thị trung tâm tri thức, đào tạo, khoa học công nghệ cấp vùng tại các thành phố trực thuộc trung ương hoặc đô thị trung tâm vùng khác.

+ Đô thị trung tâm du lịch quốc gia: Tại các thành phố Đà Nẵng, Hạ Long, Ninh Bình, Điện Biên Phủ, Sa Pa, Phong Nha, Lý Sơn, Hội An, Nha Trang, Quy Nhơn, Phan Thiết, Đà Lạt, Phú Quốc, Côn Đảo; tại các đô thị trung tâm cấp quốc gia, cấp vùng có tiềm năng du lịch và cơ sở hạ tầng du lịch phát triển.

+ Đô thị Thừa Thiên Huế, đô thị Ninh Bình, Hội An là trung tâm văn hóa di sản.

+ Đô thị trung tâm văn hóa, thể thao quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ.

d) Phát triển hệ thống đô thị vùng biên giới, ven biển, trên các đảo gắn với chiến lược phát triển kinh tế biển, bảo vệ quốc phòng, an ninh

- Phát triển hệ thống đô thị vùng biên giới

Phát triển mạng lưới đô thị vừa và nhỏ, các điểm dân cư nông thôn kết hợp với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và nâng cấp về loại hình cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ. Liên kết các điểm dân cư đô thị - nông thôn với các khu vực cửa khẩu biên giới có hoạt động thương mại, du lịch và dịch vụ phát triển tương xứng với tiềm năng.

Hành lang biên giới Việt Nam - Trung Quốc, gồm: Chuỗi đô thị phía Đông (gồm thành phố Lạng Sơn, Đồng Đăng, Cao Bằng và Bắc Kạn với thành phố Lạng Sơn là trung tâm); chuỗi đô thị phía Tây (gồm thành phố Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, A Pa Chải, với thành phố Lào Cai là đô thị trung tâm); hành lang biên giới Việt Nam - Lào (gồm: Chuỗi Mường Lay, Điện Biên, Sơn La, với thành phố Điện Biên là đô thị trung tâm; chuỗi đô thị Mường Xén, Cầu Treo, Cha Lo, Lao Bảo, Bờ Y); hành lang biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia (gồm: chuỗi Châu Đốc, Hà Tiên, Xá Xịa; chuỗi Mộc Bài, Xa Mát, Hoa Lư). Tập trung vào dịch vụ thương mại, kho bãi thuế quan, đảm bảo quốc phòng, an ninh và phát triển bản sắc để trở thành cửa ngõ đất nước.

- Phát triển hệ thống đô thị ven biển, trên các đảo gắn với chiến lược phát triển kinh tế biển và đảm bảo quốc phòng, an ninh

Mạng lưới đô thị ven biển, nhất là các đô thị trung tâm quốc gia, trung tâm vùng và trung tâm tỉnh (tỉnh lỵ), huyện lỵ ven biển, thúc đẩy các ngành kinh tế biển, nhất là các ngành du lịch, dịch vụ biển; kinh tế hàng hải; khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. Hình thành các chức năng trong đô thị nhằm đẩy mạnh nghiên cứu lĩnh vực hải dương học, nghiên cứu ở các vùng biển sâu khi có điều kiện. Kết nối mạng lưới thành chuỗi đô thị biển bằng hành lang giao thông đường bộ ven biển, cảng, kết cấu hạ tầng phát triển các hoạt động kinh tế biển.

+ Vùng ven biển phía Bắc: Ngoài các đô thị lớn cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh hình thành các chuỗi đô thị liên kết gắn kết với phát triển các ngành kinh tế biển tại Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình; xây dựng và phát triển các đô thị có chức năng công nghiệp, du lịch gắn với phát triển cảng biển quốc tế tại Lạch Huyện - Đình Vũ - Nam Đồ Sơn (Hải Phòng) - Yên Hưng - Cái Lân - Cẩm Phả (Quảng Ninh).

+ Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ: Ngoài các đô thị lớn cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh ven biển tập trung xây dựng và phát triển đô thị công nghiệp công nghệ cao, trung tâm logistics quốc tế gắn với các khu cảng biển Vũng Áng - Cửa Lò - Hòn La; xây dựng phát triển một số đô thị công nghiệp gắn với phát triển các ngành công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hàng điện tử, dệt may xuất khẩu, luyện cán thép, công nghiệp hỗ trợ sản xuất ô tô tại Nghệ An - Hà Tĩnh; công nghiệp lọc hóa dầu, hóa chất tại khu vực Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An; công nghiệp năng lượng tái tạo ở ven biển Quảng Bình - Hà Tĩnh; hình thành và phát triển hệ thống đô thị trung tâm, du lịch biển, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng biển tại khu vực Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An, Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh và Quảng Bình.

+ Vùng Trung Trung Bộ: Tập trung xây dựng và phát triển đô thị gắn với phát triển cảng biển container trung chuyên trong nước, quốc tế và cảng biển du lịch, vận tải biển quốc tế, trong nước và các dịch vụ tại các khu vực Liên Chiểu - Tiên Sa - Chân Mây; phát triển đô thị gắn với phát triển công nghiệp thép, công nghiệp sản xuất lắp ráp ô tô, công nghiệp hóa dầu, hóa chất ở Nam Quảng Nam - Bắc Quảng Ngãi; phát triển đô thị gắn với phát triển công nghiệp khí ở Quảng Trị - Đà Nẵng - Thừa Thiên Huế; công nghiệp năng lượng tái tạo ở ven biển Quảng Trị, Quảng Ngãi; phát triển thành phố Nha Trang, thành phố Quy Nhơn, thành phố Phan Thiết thành các đô thị du lịch biển tầm quốc tế cao ở châu Á - Thái Bình Dương.

+ Vùng Đông Nam Bộ: Ngoài các đô thị lớn cấp quốc gia, cấp vùng, cấp

tỉnh phát triển hệ thống đô thị của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành trung tâm kinh tế biển quốc gia, là trung tâm cảng biển (cả trung chuyển và du lịch); phát triển công nghiệp đóng tàu biển, công nghiệp lọc hóa dầu, chế biến sản phẩm từ dầu khí, công nghiệp hóa chất, công nghiệp năng lượng tái tạo; nuôi trồng thủy sản giá trị hàng hóa cao gắn kết với dịch vụ thương mại nghề cá và chế biến xuất khẩu tập trung; phát triển các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hoá, thể thao, các dịch vụ vui chơi giải trí chất lượng cao.

+ Vùng Tây Nam Bộ: Xây dựng và phát triển một đô thị gắn với phát triển trung tâm dịch vụ logistics liên vùng, quốc tế tại khu kinh tế Định An; phát triển khu cảng biển quốc tế thuộc Sóc Trăng (cảng Trần Đề) và cảng Cần Thơ. Vùng biển Tây của Việt Nam: Tăng cường xây dựng phát triển chuỗi đô thị gắn với phát triển các cảng biển du lịch, cảng biển xuất nhập khẩu hàng hóa, trung chuyển trong nước, quốc tế và dịch vụ tại các khu vực Rạch Giá - Hòn Chông và Năm Căn - Ông Đốc; phát triển thành phố Phú Quốc, Hà Tiên thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái chất lượng cao, du lịch biển, đảo tâm cỡ quốc gia và quốc tế, kết nối với các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực và thế giới.

đ) Định hướng quy hoạch hệ thống nông thôn

- Định hướng phát triển nông thôn

Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, hiện đại, xanh, sạch, đẹp gắn với quá trình đô thị hóa; có cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ và tiệm cận với khu vực đô thị; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức sản xuất hợp lý, tạo sinh kế bền vững cho người dân thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); xã hội nông thôn ổn định, dân trí được nâng cao; an ninh, trật tự được bảo đảm. Cụ thể:

+ Phân bố tổ chức khu dân cư nông thôn cấp huyện, xã phù hợp với đặc trưng vùng miền và tiến trình đô thị hóa; trọng tâm an ninh lương thực đồng thời gắn với quá trình công nghiệp hóa; xã hội nông thôn ổn định, dân trí được nâng cao; an ninh, trật tự được bảo đảm;

+ Bảo tồn và phát triển khu dân cư nông thôn truyền thống, bảo vệ các khu vực nông thôn có giá trị đặc trưng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc;

+ Chủ động di dời, bảo vệ khu dân cư nông thôn nguy cơ thiên tai; bố trí, sắp xếp lại các điểm dân cư đối với khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai, sạt lở;

+ Thúc đẩy đô thị hóa nông thôn, kiểm soát hiệu quả quá trình đô thị hóa lan toả, phát triển nông nghiệp đô thị, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng; nâng cấp, hiện đại hóa khu dân cư nông thôn có đủ điều kiện lên đô thị nhằm tăng cường dịch vụ chất lượng cao ở nông thôn;

+ Phát triển bền vững khu dân cư nông thôn miền núi, dân tộc thiểu số và miền núi: Thúc đẩy liên kết đô thị - nông thôn, nông thôn - nông thôn; rút ngắn khoảng cách về phát triển và mức thu nhập giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với trung bình cả nước;

+ Xây dựng khu dân cư nông thôn gắn với vùng sinh thái nông nghiệp: Xây dựng các mô hình phân bố dân cư nông thôn phù hợp với từng vùng sinh thái tự nhiên, sinh thái nông nghiệp và đặc điểm dân tộc, điều kiện kinh tế - xã hội.

- Định hướng xây dựng phát triển vùng huyện và xã nông thôn

+ Phân bố tổ chức khu dân cư nông thôn: Bố trí, sắp xếp lại dân cư gắn với xây dựng huyện và xã nông thôn mới theo hướng tập trung, có điều kiện sống tương đương với khu vực đô thị. Xây dựng mới hoặc mở rộng khu dân cư nông thôn không nằm trong: Vùng bị ô nhiễm môi trường, vùng có khí hậu xấu, vùng hành lang bảo vệ công trình hạ tầng, di sản. Huyện có các đô thị loại IV, V là các thị trấn, đô thị mới là trung tâm huyện lỵ hoặc trung tâm chuyên ngành thuộc huyện, giữ vai trò liên kết nông thôn - đô thị. Phát triển mỗi xã nông thôn có một trung tâm xã, tại khu trung tâm bố trí đầy đủ các chức năng giao dịch hành chính, mua sắm, giải trí... Phân bố các chức năng khu dân cư nông thôn đảm bảo: Tiết kiệm đất canh tác, thuận tiện đi lại, bảo vệ môi trường sống, tận dụng địa hình cảnh quan để tạo lập kiến trúc nông thôn đẹp có bản sắc, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội vùng miền.

Tổ chức khu dân cư nông thôn các vùng kém thuận lợi phát triển: Quy hoạch huyện, xã xác định các tiểu vùng nông thôn hỗ trợ phát triển các xã nhỏ nằm cách xa các thị trấn; xây dựng các trung tâm cụm thôn, cụm xã có các cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội thiết yếu phục vụ hoạt động cộng đồng.

Tổ chức khu dân cư nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: khai thác tiềm năng lợi thế so sánh của vùng miền, bảo vệ môi trường và không gian sinh sống, rút ngắn khoảng cách về phát triển và mức thu nhập so với trung bình cả nước.

+ Về an sinh xã hội - văn hoá: Liên kết các thị trấn, đô thị mới (loại V) với khu dân cư nông thôn tạo thành mạng lưới hạ tầng xã hội trên địa bàn huyện và xã, cung ứng đầy đủ các dịch vụ an sinh xã hội cơ bản, từng bước phát triển các dịch vụ nông thôn chất lượng cao. Tập trung nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu nhằm đảm bảo ổn định cuộc sống của người dân, đặc biệt là giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin và truyền thông, y tế, giáo dục, văn hóa, nhà ở cho dân cư.

+ Về văn hoá và bản sắc kiến trúc nông thôn: Chú trọng hình thái không gian cư trú nông thôn theo đặc trưng địa hình cảnh quan và bản sắc văn hóa vùng miền, tăng mật độ dân cư để tiếp cận tốt hơn đối với kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Các khu dân cư nông thôn truyền thống được bảo tồn, phục hồi các di tích lịch sử, di sản văn hóa, tín ngưỡng; nâng cấp, phát triển mới các

không gian văn hóa cộng đồng nông thôn; duy trì phong tục tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp làng xã nông thôn trong quá trình đô thị hoá. Bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống, làng văn hóa, cộng đồng các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa kết hợp phát triển du lịch.

+ Về kinh tế và sinh kế: Xây dựng các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn huyện và xã đáp ứng chuyển đổi mô hình kinh tế nông thôn hiện đại. Hình thành các khu chức năng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ logistic đáp ứng nhu cầu sản xuất hàng hóa nông sản khối lượng lớn và tham gia hiệu quả trong chuỗi cung ứng sản phẩm nông nghiệp chủ lực. Thiết lập các cụm, khu sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, sản xuất tuần hoàn sinh thái, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ chuyển đổi từ sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản truyền thống sang ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị hàng nông sản.

Chú trọng phát triển mô hình khu dân cư nông thôn kết hợp du lịch canh nông ở vùng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái; khu dân cư nông thôn kết hợp nông nghiệp với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng; khu dân cư nông thôn kết hợp kinh tế thủy sản ở cửa sông, ven biển, hải đảo. Bố trí không gian phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp gắn với hạ tầng giao thông, thủy lợi để nâng cao hiệu quả phát triển tổng hợp, tăng cường liên kết giữa sản xuất, lưu thông, tiêu thụ sản phẩm.

+ Về môi trường và quản lý đất đai: Trên địa bàn huyện, xã phân vùng quản lý và sử dụng đất đai bảo vệ rừng núi, sông hồ, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển và tài nguyên thiên nhiên khác; bảo vệ các vùng chuyên canh, khu vực ưu tiên cho sản xuất nông trại công nghệ cao, môi trường cảnh quan nông nghiệp nông thôn kết hợp với phát triển du lịch ở nông thôn.

Hình thành các vành đai xanh, hành lang xanh trên địa bàn nông thôn các thành phố lớn không để các đô thị dính liền nhau và kiểm soát đô thị hoá tự phát; xác định ranh giới khu dân cư nông thôn hạn chế phát triển nhà ở lan toả, bảo vệ vùng sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản, khu lâm nghiệp. Cải thiện vệ sinh môi trường khu dân cư nông thôn, khơi thông ao tù, nước đọng, tăng diện tích cây xanh sử dụng công cộng và cây xanh trên tuyến đường nông thôn.

Các điểm dân cư tập trung đã nằm trong các vùng sát bờ sông, kênh, rạch có nguy cơ sạt lở cao cần được cải tạo gia cố bờ, kiểm soát và hạn chế việc bố trí công trình mới. Các cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ cần dành không gian thoát lũ để đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân.

+ Đô thị hóa nông thôn:

Lựa chọn các xã có điểm dân cư nông thôn tập trung quy mô lớn, có tiềm năng phát triển kinh tế phi nông nghiệp, có điều kiện thuận lợi tiếp cận hạ tầng

liên vùng và liên huyện nâng cấp lên đô thị, quy hoạch phát triển các khu dân cư nông thôn để từng bước mở rộng không gian và hoàn thiện các tiêu chí đô thị; đảm bảo mỗi huyện có tối thiểu 01 đô thị trung tâm huyện lỵ; phân bố các đô thị cân đối theo các tiểu vùng phát triển của huyện. Hình thành thị trấn, đô thị mới, trung tâm cụm xã mới, như: Thị trấn nông - công nghiệp trên cơ sở trung tâm đầu mối dịch vụ sản xuất, thị trấn nông nghiệp - dịch vụ - du lịch trên cơ sở trung tâm đầu mối cung cấp các dịch vụ nghỉ ngơi giải trí nông nghiệp - nông thôn. Tại khu vực miền núi từng bước hình thành khu dân cư nông thôn theo hình thức cụm dân cư gắn với địa bàn sản xuất, tạo tiền đề cho việc đẩy mạnh đô thị hóa khi đủ điều kiện. Số lượng xã nâng cấp lên đô thị trên địa bàn cấp huyện tùy thuộc vào mức độ phát triển và đặc điểm địa lý lãnh thổ của từng huyện. Phát triển cơ sở hạ tầng và chức năng tại địa bàn xã lên đô thị được cân đối theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng huyện và liên huyện;

Các xã nông thôn ven đô, đẩy mạnh đô thị hóa, phát triển nông nghiệp đô thị, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển dịch vụ xã hội có chất lượng tiệm cận với thành thị, hình thành các điểm dân cư tập trung nông thôn xanh, sinh thái. Từng bước đưa phát triển đô thị về địa bàn nông thôn;

Đối với khu dân cư nông thôn chuyển thành đô thị: Phát triển lối sống thành thị, kiểm soát đất đai, hoàn thiện cơ sở hạ tầng và dịch vụ xã hội, lập chính sách hợp lý để chuyển đổi cơ cấu đất đai, cơ cấu lao động và tái định cư. Phát triển các đô thị vệ tinh giảm tải cho các đô thị chính và từng bước đưa phát triển đô thị về địa bàn nông thôn, nhằm mục tiêu đô thị hoá tại chỗ;

Đối với khu dân cư nông thôn ngoại vi các thành phố lớn: Tăng cường liên kết đô thị lõi trung tâm và thị trấn ven đô về kinh tế và việc làm, dân số và dịch cư, nhà ở và cư trú, giao thông và đi lại, nông nghiệp canh tác, cảnh quan môi trường sinh thái. Xây dựng công cụ quản lý phù hợp với 3 không gian chính là không gian xây dựng, không gian mở, không gian nông nghiệp;

Đối với khu dân cư nông thôn trong vùng đô thị lớn: Hình thành các vành đai sinh thái nông nghiệp cân bằng giữa bảo tồn và phát triển đô thị và nông thôn. Khu dân cư nông thôn chuyển đổi mô hình tăng trưởng và cấu trúc định cư cộng sinh với nền kinh tế nông nghiệp đô thị hiện đại, dịch vụ văn hoá di sản, du lịch nghỉ dưỡng gắn với giáo dục và chăm sóc sức khoẻ v.v... Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, giảm tác động tiêu cực từ đô thị tới môi trường nông thôn, tham gia chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng sản xuất gắn với chiến lược chuyển đổi số quốc gia.

+ Phát triển mạng lưới hạ tầng khu dân cư nông thôn đồng bộ, an toàn, thuận lợi phục vụ sản xuất và đời sống cư dân nông thôn, tạo điều kiện các vùng khó khăn phát triển và thu hẹp khoảng cách với các địa bàn thuận lợi. Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn;

hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu đối với nông thôn thuộc vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tổ chức hệ thống khu dân cư nông thôn theo các vùng sinh thái nông nghiệp

Vùng trung du miền núi Bắc Bộ: Nâng cấp phát triển khu dân cư nông thôn miền núi, biên giới theo mô hình làng sinh thái dựa vào đặc điểm địa hình cảnh quan và văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số Đông Bắc, Tây Bắc; kết hợp sản xuất nông lâm nghiệp, du lịch sinh thái, tham gia thị trường giao dịch tín chỉ carbon. Hình thành khu dân cư nông thôn tập trung có cơ sở công nghiệp chế biến chuyên sâu hàng nông, lâm sản ở vùng chuyên canh cây công nghiệp (chè, trà, sò, hồi...), cây ăn quả, cây dược liệu. Các khu dân cư nông thôn nằm trong vùng có nguy cơ thiên tai do sạt lở núi buộc phải di chuyển, giai đoạn đầu bố trí định cư mới kết hợp với khu kinh tế quốc phòng.

Vùng đồng bằng sông Hồng: Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng các làng xã cổ truyền, duy trì vùng sản xuất nông nghiệp và phát triển nông nghiệp theo hướng hiệu quả cao, hữu cơ, nông nghiệp phục vụ đô thị gắn với xây dựng nông thôn mới. Hạn chế đô thị hóa các khu dân cư nông thôn ở các vùng chuyên môn hóa sản xuất trồng lúa cao sản, vùng lúa có chất lượng cao vùng phía Bắc đồng bằng sông Hồng. Hình thành các khu dân cư nông thôn có chức năng tích hợp nông nghiệp, dịch vụ, du lịch nông thôn, các khu dân cư nông thôn có mô hình kinh tế phi nông nghiệp phù hợp với địa hình ô trũng phía Nam đồng bằng sông Hồng. Khuyến khích bố trí chức năng giải trí, thể dục thể thao ngoài trời ở huyện ngoại thành Hà Nội hoặc huyện có mức độ đô thị hóa cao của vùng Thủ đô Hà Nội.

Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ: Khu vực miền núi phía Tây, nâng cấp các khu dân cư nông thôn có di sản, làng nghề truyền thống gắn với vùng trồng cây đặc sản kết hợp du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa. Phục hồi rừng, bảo vệ khu dân cư nông thôn chống chịu với thiên tai bão lụt, nạn cát bay, gió nóng. Cải thiện cơ sở hạ tầng khu dân cư nông thôn kết nối với các vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng năm, cây công nghiệp lâu năm (cà phê, cao su), vùng chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản; kết nối khu dân cư nông thôn với các khu du lịch và đô thị ven biển.

Khu vực ven biển, nâng cấp các khu dân cư nông thôn, bố trí lại không gian sản xuất, tích hợp bảo vệ hệ sinh thái, rừng ngập mặn, nuôi trồng và chế biến thủy hải sản, dịch vụ, du lịch để cải thiện sinh kế của cộng đồng ngư dân. Tổ chức khu dân cư nông thôn đảm bảo điều kiện cơ bản để hoạt động khai thác hải sản theo hướng giảm khai thác gần bờ, đẩy mạnh khai thác tại các vùng biển xa bờ và viễn dương phù hợp với từng vùng biển và khả năng phục hồi của hệ sinh thái biển.

Vùng Tây Nguyên: Nâng cấp và phát triển khu dân cư nông thôn liên kết với vùng chuyên canh, cụm ngành chế biến quy mô lớn, phát triển vùng Tây Nguyên trở thành trung tâm sản xuất, chế biến sâu nông sản chủ lực.

Nâng cấp phát triển khu dân cư nông thôn theo mô hình làng sinh thái dựa vào đặc điểm địa hình cảnh quan và văn hoá đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên, tích hợp với bảo vệ rừng đầu nguồn, nông lâm nghiệp, văn hóa du lịch, liên kết hài hòa với các đô thị để bảo đảm cung cấp dịch vụ cơ bản. Hình thành các trung tâm hỗ trợ sản xuất trong khu dân cư nông thôn đáp ứng nhu cầu tăng diện tích trồng cây ăn quả, phát triển dược liệu gắn với công nghiệp chế biến.

Đối với vùng Đông Nam Bộ: Phát triển cơ sở hạ tầng khu dân cư nông thôn đáp ứng với sản xuất hàng hóa lớn, sử dụng nhiều máy móc, vật tư nông nghiệp hiện đại. Hạn chế đô thị hóa các khu dân cư nông thôn trên vùng đất ba-zan chuyên môn hóa sản xuất các cây công nghiệp lâu năm (cao su, cà phê, điều), cây công nghiệp ngắn ngày (đậu tương, mía...). Hình thành các khu dân cư nông thôn có chức năng tích hợp bảo tồn hệ sinh thái ngập nước, ngư nghiệp, dịch vụ, du lịch vùng biển Cần Giờ - Thành phố Hồ Chí Minh và hạ lưu sông Sài Gòn, sông Đồng Nai...

Vùng đồng bằng sông Cửu Long: Chú trọng mô hình khu dân cư nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu, liên kết với vùng chuyên canh lúa, trong đó đặc biệt quan tâm phát triển vùng lúa chất lượng cao, giảm phát thải; nuôi trồng thủy sản quy mô lớn, phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long trở thành trung tâm kinh tế nông nghiệp bền vững, năng động và hiệu quả cao của quốc gia, khu vực và thế giới. Hình thành các trung tâm hỗ trợ sản xuất trong khu dân cư nông thôn, phát triển các sản phẩm chủ lực theo hướng tăng tỷ trọng thủy sản, trái cây và giảm tỷ trọng lúa gạo một cách hợp lý. Tạo lập cảnh quan khu dân cư nông thôn gìn giữ bản sắc văn hóa, cảnh quan sông nước, miệt vườn kết hợp phát triển du lịch sinh thái. Xây dựng khu dân cư nông thôn vượt lũ, tận dụng nguồn nước lũ để tích vào các hồ chứa, kênh mương để trữ ngọt cho mùa khô và cải tạo môi trường cho sản xuất và dân sinh về mùa khô.

e) Định hướng tổ chức hệ thống hạ tầng kỹ thuật quốc gia

- Hạ tầng giao thông vận tải: Xây dựng mới và nâng cấp mạng lưới quốc lộ, liên thông tỉnh lộ đáp ứng nhu cầu kết nối các đô thị trong vùng và cả nước.

Phát triển mạng lưới giao thông đô thị tương xứng theo quy mô, loại đô thị, cấp quản lý hành chính chức năng đô thị, nông thôn. Tại các khu đô thị hiện có cần tiến hành phân loại mạng lưới đường, tổ chức lại giao thông hợp lý; tại các đô thị mới, khu đô thị mới phát triển, phải đảm bảo mật độ mạng lưới đường và xây dựng đồng bộ mạng lưới các công trình cơ sở hạ tầng khác. Có biện pháp chống ách tắc giao thông hữu hiệu trong các đô thị lớn. Xây dựng các

tuyến ra vào thành phố, các nút giao cắt lập thể đảm bảo kết nối giao thông đô thị liên thông với các tuyến quốc lộ và đường cao tốc. Xây dựng các tuyến tránh đô thị, hình thành vành đai tại một số thành phố có các tuyến quốc lộ quan trọng đi qua. Phát triển đa dạng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng để đảm bảo trật tự - an toàn giao thông đô thị và bảo vệ môi trường.

Chú trọng phát triển giao thông xanh, thông minh và kết nối hợp lý các công trình đầu mối giao thông như: Bến xe, bến cảng, ga tàu... nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đô thị. Chú trọng phát triển giao thông công cộng nội thị tại các đô thị loại II trở lên. Đảm bảo quỹ đất giao thông đô thị. Ưu tiên xây dựng hệ thống vận tải hành khách khối lượng lớn gắn với mô hình đô thị (TOD) tại Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và các đô thị có dân số trên một triệu người, bao gồm: Tàu điện mặt đất, đường sắt trên cao, tàu điện ngầm, xe buýt nhanh. Hạn chế xe máy, đồng thời có các giải pháp hợp lý về phát triển xe ô tô con cá nhân, đặc biệt là tại hai thành phố lớn Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ trong công tác quy hoạch, đầu tư và vận hành các hạng mục hạ tầng dùng chung với không gian đường đô thị như hào tụy nê n kỹ thuật; đường dây, đường ống cấp nước, thoát nước, điện, cáp thông tin...

Phát triển đồng bộ hệ thống giao thông đô thị tương xứng với quá trình phát triển đô thị, bảo đảm khả năng chịu tải của hệ thống giao thông đô thị trong quá trình cải tạo chỉnh trang khu đô thị hiện hữu cũng như phát triển các đô thị mới. Chú ý quy hoạch, xây dựng, bảo đảm quỹ đất cho hệ thống giao thông đô thị đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn của đường đô thị trong quá trình phát triển khu vực nông thôn thành đô thị.

- Về hạ tầng thoát nước mưa chống ngập: Theo lưu vực và phân vùng thoát nước với những đặc điểm địa hình, cốt nền, thoát nước, ngập úng từng vùng, khu vực được định hướng cụ thể; giảm tình trạng ngập úng thường xuyên trong mùa mưa; duy trì, phát triển hồ điều hoà tạo cảnh quan trong đô thị; khuyến khích tái sử dụng nước mưa, tiết kiệm tài nguyên nước, giảm thiểu việc khai thác sử dụng nguồn nước dưới đất và nước mặt, hướng tới quản lý thoát nước bền vững.

- Về hạ tầng cung cấp nước sạch: Ưu tiên khai thác các nguồn nước mặt cho hệ thống cấp nước đô thị và nông thôn; hạn chế và từng bước giảm khai thác nước dưới đất để cấp nước cho các đô thị từ loại IV trở lên, khu công nghiệp và khu vực đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long. Phân vùng cấp nước theo các nhà máy nước quy mô lớn và tăng cường đầu tư phát triển các nhà máy nước quy mô lớn, phạm vi cấp nước rộng; liên kết và hỗ trợ cấp nước từ khu vực đô thị, khu công nghiệp cho khu vực nông thôn.

- Về hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải: Theo từng địa bàn đô thị, nông thôn, quy hoạch nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý và bố trí xả thải để đảm bảo khả năng tự làm sạch của nguồn nước và không làm ảnh hưởng đến nguồn nước cấp cho sinh hoạt và các nhu cầu khác.

- Về hạ tầng chất thải rắn và nghĩa trang: Triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; thực hiện thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn bằng công nghệ tiên tiến, phù hợp với việc phân loại tại nguồn; chất thải rắn nguy hại được quản lý và xử lý bằng các phương thức phù hợp. Quy hoạch, đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn phù hợp với bán kính vùng phục vụ, sử dụng công nghệ tiên tiến, giảm thiểu lượng chất thải rắn xử lý bằng chôn lấp trực tiếp. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được đầu tư xây dựng phù hợp với quy hoạch vùng liên tỉnh, vùng tỉnh và đáp ứng các quy chuẩn quy hoạch, môi trường.

- Về hạ tầng cung cấp năng lượng: Định hướng cung cấp điện phải hướng tới việc sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời...) và năng lượng phi carbon kèm với các giải pháp sử dụng tiết kiệm (thông qua các quy chuẩn, quy định về sử dụng năng lượng) và thiết kế hệ thống truyền dẫn phù hợp để giảm thiểu tổn thất trên đường dây. Phải tính đến việc bố trí các hệ thống cung cấp năng lượng khác (xăng, dầu, khí đốt...) để phục vụ cho các nhu cầu của hệ thống đô thị và nông thôn.

- Về cơ sở hạ tầng viễn thông: Việc tổ chức cơ sở hạ tầng viễn thông phải hướng đến việc hình thành các trung tâm dữ liệu và đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các đô thị để hướng tới phục vụ nền công nghiệp 4.0 cũng như định hướng phát triển đô thị thông minh.

- Về chiếu sáng đô thị: Phát triển hệ thống chiếu sáng đô thị sử dụng năng lượng hiệu quả và thông minh.

g) Định hướng kiến trúc, cảnh quan đô thị, nông thôn

- Tổng thể kiến trúc cảnh quan của mỗi vùng và đô thị, nông thôn phải có bản sắc riêng, phù hợp với điều kiện kinh tế, tự nhiên, dân số - xã hội, trình độ khoa học, kỹ thuật, truyền thống văn hóa lịch sử của địa phương và các yêu cầu phát triển mới. Tổng thể kiến trúc của mỗi đô thị, nông thôn phải kết hợp hài hòa giữa cải tạo với xây dựng mới; đổi mới môi trường văn hóa kiến trúc truyền thống.

- Hình thành bộ mặt kiến trúc cảnh quan đô thị mới hiện đại, có bản sắc, góp phần tạo nên hình ảnh đô thị tương xứng với tầm vóc đất nước của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh công tác thiết kế đô thị nhằm nâng cao chất lượng không gian, chất lượng kiến trúc cảnh quan cho từng đô thị nói chung, không gian các khu vực trung tâm, các tuyến phố chính đô thị nói riêng.

- Đặc biệt quan tâm đến kiến trúc các đô thị là trung tâm cấp quốc gia, khu vực và quốc tế như: Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; bảo vệ, tôn tạo kiến trúc cảnh quan tại các khu vực di sản trong đô thị, đô thị đặc thù như Huế, Hội An, Đà Lạt, Sa Pa, Ninh Bình; các khu phố cổ, phố cũ; di tích lịch sử, di sản văn hóa và các công trình kiến trúc cảnh quan có giá trị.

- Các đơn vị hành chính cấp tỉnh, huyện, xã phải dành không gian đệm bảo vệ công trình văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng, các di tích và dấu ấn lịch sử văn hóa làng xã; hệ thống không gian mở không gian xanh, đảm bảo quy chuẩn tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng đô thị nông thôn; sông hồ, ao, kênh mương có quy hoạch và được đầu tư cải tạo.

h) Định hướng bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

Xác định, bảo vệ và duy trì hệ khung thiên nhiên gồm rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, hệ thống vườn quốc gia, cây xanh mặt nước... gắn với đặc điểm của điều kiện tự nhiên trong từng vùng và trong mỗi đô thị. Khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đất đai, tiết kiệm năng lượng, nguồn nước, khoáng sản, rừng... vào mục đích cải tạo và xây dựng đô thị. Quy hoạch cấu trúc đô thị hợp lý, đảm bảo đáp ứng các nhu cầu về chỗ ở, chỗ làm việc, đi lại, nghỉ ngơi giải trí cho người dân và toàn xã hội; bảo đảm tiêu chí đô thị xanh, sạch, đẹp.

Quy hoạch đô thị bền vững đảm bảo các nguyên tắc sau: (1) Giảm thiểu rủi ro môi trường sinh thái và cải thiện chất lượng môi trường đô thị ở các đô thị đang bị ô nhiễm; (2) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; (3) Quy hoạch phát triển không gian xanh đô thị là một nội dung của quy hoạch đô thị; (4) Quy hoạch đô thị phải có giải pháp cải thiện chất lượng môi trường các khu ở của người thu nhập thấp và công nhân các khu công nghiệp trong đô thị; (5) Giảm thiểu rủi ro thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu từ quy hoạch đô thị; (6) Tăng năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của đô thị.

Quy hoạch nông thôn bền vững đảm bảo các nguyên tắc sau: (1) Các Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp, làng nghề ở ngoài khu dân cư nông thôn có hệ thống xử lý chất thải đảm bảo các quy chuẩn về môi trường; (2) Các điểm dân cư nông thôn ở khu vực có nguy cơ thiên tai cao và rất cao, từng bước di dời dân cư và thiết lập hệ thống thông tin liên lạc cảnh báo sớm đến từng hộ dân; (3) Khoanh vùng trồng lại rừng phòng hộ và đặc dụng, các khu bảo tồn thiên nhiên, di tích lịch sử... thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các khu vực có rừng, tạo sinh kế cho người dân; (4) Cảnh quan nông thôn gắn với làng sinh thái, thông minh, phát huy giá trị văn hóa - xã hội từng địa phương, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện và hài hòa với thiên nhiên; (5) Không gian nông thôn phải tạo điều kiện liên kết hộ nông dân với các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khoa học, hiệp hội ngành hàng trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để huy động đầu tư mở rộng cho sản xuất, hướng đến nông

nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, góp phần bảo vệ môi trường; (6) Điểm dân cư nông thôn gắn với sinh kế bền vững và tăng sức chống chịu; (7) Từng bước giảm dần sức ép của phát triển kinh tế - xã hội đến môi trường nông thôn bằng các giải pháp kinh tế sinh thái.

i) Định hướng liên kết đô thị - nông thôn

Xây dựng các vùng đô thị lớn, đô thị lớn và cực lớn ở miền Bắc, miền Trung, phía Nam trở thành các cực tăng trưởng chủ đạo quốc gia và thúc đẩy liên kết đô thị - nông thôn với phát triển các ngành, lĩnh vực: (1) Về giao thông: Các trục hạ tầng giao thông quốc gia, giao thông vùng liên kết vùng đô thị, trung tâm đô thị động lực, lan tỏa ảnh hưởng đến nông thôn; phát triển đô thị TOD trên tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam hình thành các trọng tâm kinh tế - đô thị mới; (2) Về dịch vụ, thương mại: Tạo liên kết không gian công nghiệp, công nghệ cao, tài chính ngân hàng, viễn thông, dịch vụ vận tải giao thương quốc tế trong không gian đô thị, nông thôn; (3) Về du lịch: Tạo lập không gian đô thị gắn với ngành kinh tế du lịch, hình thành chuỗi trung tâm đô thị du lịch cấp quốc gia; (4) Về giáo dục, đào tạo: Khu vực đô thị, nông thôn đảm bảo phân bố hệ thống giáo dục theo bán kính phục vụ. Hình thành các đô thị đại học ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; (5) Nông nghiệp phát triển nông thôn: bảo vệ không gian nông nghiệp, tích hợp với không gian kinh tế, văn hoá, cảnh quan ở vùng nông thôn ven đô thị; (6) Khoa học công nghệ: phát triển cơ sở hạ tầng thông tin và thúc đẩy kế hoạch xây dựng mạng lưới đô thị thông minh, nông thôn thông minh; (7) Về văn hóa: Văn hoá vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển kinh tế đô thị - nông thôn, thiết lập chương trình phục hồi giá trị văn hóa, lịch sử lồng ghép với phát triển đô thị - nông thôn kết hợp bảo tồn làng truyền thống; (8) Về tài nguyên môi trường: Kiểm soát đô thị hóa lan tỏa, phát triển đô thị - nông thôn gắn với phát triển hạ tầng xanh quốc gia, quản lý tài nguyên nước, phục hồi đa dạng sinh học, kiểm soát chất lượng môi trường.

k) Định hướng sử dụng đất đô thị, nông thôn

Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tối ưu hóa sử dụng năng lượng, thúc đẩy phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ các tác động của thiên tai, thảm họa. Ưu tiên quỹ đất phát triển các đô thị và các chức năng tạo động lực phát triển tại các cực tăng trưởng, vùng động lực quốc gia. Các đô thị và khu dân cư nông thôn quản lý chặt chẽ đất dành cho xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị và nông thôn. Các đô thị lớn yêu cầu quản lý sử dụng đất không gian ngầm, không gian ngầm đô thị phục vụ các chức năng công cộng, thương mại, đặc biệt là không gian ngầm gắn kết với hệ thống giao thông khối lượng lớn (TOD), bãi đỗ xe ngầm, hạ tầng kỹ thuật ngầm...; kiểm soát đất dự trữ phát triển cho quy hoạch tương lai theo nhu cầu mới của mỗi đô thị. Khu

vực nông thôn, từng bước xoá bỏ các điểm dân cư nông thôn nhỏ lẻ bám theo các trục đường chính.

4. Các chương trình dự án quan trọng quốc gia và lộ trình thực hiện

a) Các chương trình, dự án quan trọng quốc gia

- Trong giai đoạn từ năm 2023 - 2030, tiếp tục triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, dự án đang thực hiện đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, liên vùng, dự án nâng cấp, phát triển đô thị, dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, các dự án phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển đô thị thông minh, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển đô thị giảm phát thải, các chương trình, đề án phát triển đảm bảo an sinh nhà ở và chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Nghiên cứu xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình phát triển đô thị quốc gia và tỉnh, chương trình, dự án về xây dựng, cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và đầu tư phát triển đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng đô thị ở cấp quốc gia, tỉnh và từng đô thị nhằm cụ thể hóa các chỉ tiêu của Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, thực hiện đầu tư có trọng tâm trọng điểm ít nhất 100 đô thị tiêu biểu, có khả năng chống chịu, giảm phát thải, thông minh, có bản sắc và hoàn thiện điều kiện hạ tầng đô thị.

Chương trình quốc gia về xây dựng, cải tạo, chỉnh trang, tái phát triển đô thị và phát triển đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng đô thị cụ thể hóa các chỉ tiêu Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt theo từng giai đoạn 5 năm, 10 năm; xác định tỷ lệ đô thị hóa và các chỉ tiêu phát triển đô thị cấp quốc gia; xác định tiêu chí đô thị tầm cỡ quốc tế, ASEAN; xác định các chương trình thành phần, các nhiệm vụ, giải pháp và phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện định hướng phát triển các trung tâm đô thị, vùng đô thị đạt cấp khu vực và thế giới, phát triển các đô thị thực hiện vai trò trung tâm cấp quốc gia, cấp vùng, phát triển các đô thị ưu tiên nâng cấp, cải tạo để nâng cao năng lực chống chịu, ứng phó biến đổi khí hậu của đô thị, các đô thị có các khu vực nghèo đô thị, hạ tầng xuống cấp cần ưu tiên nâng cấp, cải tạo đô thị, các đô thị thực hiện thí điểm phát triển đô thị tăng trưởng xanh, sinh thái, thông minh, thí điểm thực hiện tái phát triển đô thị và các mô hình phát triển mới, phát triển các đô thị thực hiện nhiệm vụ trọng tâm quốc phòng, an ninh, thực hiện các mục tiêu ưu tiên khác theo giai đoạn và phát triển hệ thống đô thị toàn quốc theo từng phân loại đô thị bao gồm cả nội dung sắp xếp, điều chỉnh, thành lập mới đơn vị hành chính đô thị. Căn cứ nội dung chương trình được duyệt và quy định pháp luật liên quan, các địa phương cụ thể hóa trong chương trình phát triển đô thị tỉnh và từng đô thị và các dự án cụ thể.

- Danh mục các dự án quan trọng quốc gia thực hiện theo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Lộ trình thực hiện

- Năm 2024: Hoàn thiện, trình phê duyệt kế hoạch thực hiện phân loại đô thị toàn quốc đến năm 2030. Tiếp tục triển khai theo kế hoạch các chương trình, dự án đã được duyệt.

- Năm 2025: Hoàn thiện, trình phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện chương trình quốc gia về xây dựng, cải tạo, chỉnh trang, tái phát triển đô thị và phát triển đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng đô thị.

5. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

- Về cơ chế, chính sách: Xây dựng, hoàn thiện thể chế, quy định pháp luật tạo hành lang pháp lý để quản lý phát triển đô thị và nông thôn theo quy hoạch, kế hoạch, phát triển bền vững hệ thống, kiểm soát liên kết mạng lưới đô thị; quản lý thống nhất đơn vị hành chính đô thị và nông thôn; ban hành cơ chế đặc thù vượt trội giải quyết các bất cập đô thị lớn và cực lớn; cải cách thể chế quản lý đất đô thị, quản lý đầu tư xây dựng, quản lý khai thác sử dụng công trình đô thị, liên kết vùng, phát triển nhà ở xã hội, huy động nguồn vốn phát triển đô thị, phát huy bản sắc văn hóa lịch sử khu vực đô thị và nông thôn, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên chịu tác động đô thị hóa. Nâng cao vai trò chức năng và quyền hạn của các bộ, ngành và địa phương trong tổ chức, thực hiện, quản lý phát triển đô thị. Tăng cường phân cấp quản lý đô thị; thực hiện mô hình chính quyền đô thị. Xây dựng các hành lang pháp lý để hình thành các chương trình đột phá về đầu tư xây dựng, cải tạo, tái phát triển đô thị.

- Về nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ của Quy hoạch: Thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước... và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định pháp luật. Xây dựng cơ chế phát triển hạ tầng đô thị bằng nhiều nguồn vốn, khuyến khích sự tham gia của các khu vực ngoài nhà nước. Đổi mới công tác quản lý đất đai và phát triển thị trường bất động sản; tiếp tục hoàn chỉnh và đổi mới chính sách về nhà và đất đô thị để ổn định đời sống và tạo nguồn lực phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới.

- Về khoa học, công nghệ và môi trường: Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào mục đích xây dựng hệ thống đô thị thông minh, đô thị xanh, đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu; cải thiện môi trường đô thị và nông thôn bằng phương pháp ứng dụng công nghệ quản lý, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường không khí, nước, đất tại các đô thị lớn, lưu vực sông, biển; quản lý chất thải rắn, trọng tâm là quản lý tốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nhựa; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải lớn; tăng cường các biện pháp

phòng ngừa các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; chủ động giám sát các đối tượng, dự án tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

- Về phát triển nguồn nhân lực: Xây dựng chương trình đào tạo, nâng cao năng lực quản lý và phát triển đô thị đối với lãnh đạo và chuyên viên đối với các đô thị và khu vực nông thôn ngoại thành, ngoại thị. Giai đoạn đến năm 2030, ưu tiên các đô thị loại III trở lên.

- Về tổ chức thực hiện và giám sát quy hoạch: Sau khi Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sẽ được tổ chức công bố công khai theo quy định của pháp luật về quy hoạch; xây dựng Kế hoạch/Chương trình thực hiện Quy hoạch trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật để tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch và định kỳ tổ chức đánh giá việc thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

1. Bộ Xây dựng

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của Báo cáo thẩm định, thông tin, số liệu, nội dung hồ sơ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch Tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch sử dụng đất đai quốc gia, Quy hoạch vùng, Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch thành phố trực thuộc Trung ương các quy hoạch có liên quan; bảo đảm không có các nội dung quy phạm, đúng thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo quy định pháp luật và các quy định có liên quan. Tổ chức công bố, lưu trữ, lưu giữ hồ sơ Quy hoạch được duyệt; cung cấp thông tin, dữ liệu Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng thẩm quyền và quy định.

Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm về phương pháp luận để xây dựng Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn rõ về nội hàm, tiêu chí, cơ sở khoa học tiếp cận từ dưới lên và từ trên xuống; bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với nội dung với các quy hoạch có liên quan, trong đó, các nội dung mới của Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn phải có lý luận và có hướng mở để địa phương đề xuất.

Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm bảo đảm không gây xáo trộn hệ thống đô thị nông thôn tại các Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng, Quy hoạch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khi Quyết định phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn

được ban hành; xử lý hoặc đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý nếu có sự xung đột, thiếu đồng bộ với Quy hoạch quốc gia, hoặc xử lý các Quy hoạch vùng, Quy hoạch tỉnh về đô thị nông thôn để thống nhất với Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch theo quy định pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt tuân thủ đúng quy định pháp luật; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Quy hoạch và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

c) Tổ chức nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế chính sách, hoàn thiện thể chế quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, nông thôn, quản lý phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông thôn.

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, trình cấp có thẩm quyền chương trình quốc gia về xây dựng, cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và phát triển đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng đô thị và các đề án, chương trình trọng điểm khác liên quan phát triển đô thị; rà soát, cập nhật, sửa đổi bổ sung Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030.

2. Các bộ, ngành, cơ quan ngang bộ

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng triển khai các nhiệm vụ thực hiện quy hoạch, đảm bảo kịp thời, chất lượng và hiệu quả.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Sau khi Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt; trường hợp có mâu thuẫn với quy hoạch cao hơn thì thực hiện điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành có liên quan xây dựng các chương trình, kế hoạch, ưu tiên bố trí nguồn lực và thu hút đầu tư để tổ chức thực hiện Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn.

c) Phối hợp, hợp tác chặt chẽ với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong các vùng đô thị lớn để thúc đẩy hợp tác đầu tư, hình thành mạng lưới đô thị.

d) Chủ động nghiên cứu, đề xuất các cơ chế chính sách phát triển đô thị, nông thôn, trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền để thực hiện hiệu quả Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Công an, Quốc phòng, Nội vụ, Ngoại giao, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Tỉnh ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: TH, KGVX, NN, NC, PL, KTTH, V.I, QHĐP;
- Lưu: VT, CN (2b). *Tuấn*



Trần Hồng Hà



Phụ lục I
QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ ĐẾN NĂM 2030
“DANH MỤC CÁC ĐÔ THỊ LOẠI ĐẶC BIỆT, LOẠI I, LOẠI II, LOẠI III”
(Kèm theo Quyết định số 891/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 1. Danh mục các đô thị trực thuộc Trung ương hoặc tỉnh định hướng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương

STT	Đô thị	Dự kiến loại đô thị đến năm 2030
I	Đô thị trực thuộc trung ương	
1	Thủ đô Hà Nội	Loại đặc biệt
2	Thành phố Hồ Chí Minh	Loại đặc biệt
3	Hải Phòng	Loại I
4	Cần Thơ	Loại I
5	Đà Nẵng	Loại I
II	Tỉnh định hướng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương	
1	Thừa Thiên Huế	Loại I
2	Khánh Hòa: Đến năm 2030, tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương	Loại I
3	Bắc Ninh: Đến năm 2030, tỉnh Bắc Ninh đạt các tiêu chí đô thị Loại I và trở thành thành phố trực thuộc Trung ương	Loại I
4	Bà Rịa - Vũng Tàu: Đến năm 2030, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phấn đấu cơ bản đạt tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương	Loại I
5	Quảng Ninh: Đến năm 2030, tỉnh Quảng Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương	Loại I
6	Ninh Bình: Đến năm 2030, cơ bản đạt tiêu chí thành phố trực thuộc Trung ương	Loại I
7	Hải Dương: Đến năm 2030, đạt một số tiêu chí cơ bản của thành phố trực thuộc Trung ương. Đến năm 2050 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương	Loại I
8	Bình Dương: Đến năm 2030, Bình Dương sẽ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.	Loại I

Ghi chú:

Đối với thành phố trực thuộc Trung ương, phương án quy hoạch hệ thống đô thị thực hiện theo quy hoạch thành phố trực thuộc Trung ương và quy hoạch chung thành phố trực thuộc Trung ương được phê duyệt.

Bảng 2. Danh mục các đô thị loại I

STT	Đô thị	Tỉnh	Dự kiến loại đô thị đến năm 2030
I	Vùng đồng bằng sông Hồng		
1	Bắc Ninh	Bắc Ninh	Loại I
2	Hạ Long	Quảng Ninh	Loại I
3	Cẩm Phả	Quảng Ninh	Loại I
4	Uông Bí	Quảng Ninh	Loại I
5	Móng Cái	Quảng Ninh	Loại I
6	Hải Dương	Hải Dương	Loại I
7	Hưng Yên	Hưng Yên	Loại I
8	Nam Định	Nam Định	Loại I
9	Phủ Lý	Hà Nam	Loại I
10	Thái Bình	Thái Bình	Loại I
11	Ninh Bình	Ninh Bình	Loại I
II	Vùng Trung du và miền núi phía Bắc		
1	Tuyên Quang	Tuyên Quang	Loại I
2	Lào Cai	Lào Cai	Loại I
3	Thái Nguyên	Thái Nguyên	Loại I
4	Bắc Giang	Bắc Giang	Loại I
5	Việt Trì	Phú Thọ	Loại I
III	Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung		
1	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Loại I
2	Vinh	Nghệ An	Loại I
3	Huế	Thừa Thiên Huế	Loại I
4	Quy Nhơn	Bình Định	Loại I
5	Tuy Hòa	Phú Yên	Loại I
6	Nha Trang	Khánh Hòa	Loại I
7	Cam Lâm*	Khánh Hòa	Loại I
IV	Vùng Tây nguyên		
1	Pleiku	Gia Lai	Loại I

STT	Đô thị	Tỉnh	Dự kiến loại đô thị đến năm 2030
2	Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk	Loại I
3	Đà Lạt	Lâm Đồng	Loại I
V	Vùng Đông Nam Bộ		
1	Thủ Dầu Một	Bình Dương	Loại I
2	Dĩ An	Bình Dương	Loại I
3	Thuận An	Bình Dương	Loại I
4	Biên Hòa	Đồng Nai	Loại I
5	Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	Loại I
VI	Vùng đồng bằng sông Cửu Long		
1	Tân An	Long An	Loại I
2	Mỹ Tho	Tiền Giang	Loại I
3	Bến Tre	Bến Tre	Loại I
4	Sa Đéc	Đồng Tháp	Loại I
5	Cao Lãnh	Đồng Tháp	Loại I
6	Long Xuyên	An Giang	Loại I
7	Rạch Giá	Kiên Giang	Loại I
8	Phú Quốc	Kiên Giang	Loại I
9	Sóc Trăng	Sóc Trăng	Loại I
10	Bạc Liêu	Bạc Liêu	Loại I
11	Cà Mau	Cà Mau	Loại I

Ghi chú:

- Đối với thành phố trực thuộc Trung ương, phương án quy hoạch hệ thống đô thị thực hiện theo quy hoạch thành phố trực thuộc Trung ương và quy hoạch chung thành phố trực thuộc Trung ương được phê duyệt.

- Đối với các đô thị sắp xếp đơn vị hành chính trong giai đoạn 2023 - 2030, tên gọi, phạm vi đô thị, loại đô thị của đô thị sau sắp xếp thực hiện theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, phân loại đô thị và thành lập đơn vị hành chính đô thị.

- (*): khu vực dự kiến hình thành đô thị. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phát triển đô thị theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, phân loại đô thị và thành lập đơn vị hành chính đô thị.

Bảng 3. Danh mục các đô thị loại II

STT	Đô thị	Tỉnh	Dự kiến loại đô thị đến năm 2030
I	Vùng đồng bằng sông Hồng		
1	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Loại II
2	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Loại II
3	Từ Sơn	Bắc Ninh	Loại II
4	Quảng Yên	Quảng Ninh	Loại II
5	Đông Triều	Quảng Ninh	Loại II
6	Vân Đồn*	Quảng Ninh	Loại II
7	Chí Linh	Hải Dương	Loại II
8	Mỹ Hào	Hưng Yên	Loại II
9	Văn Giang*	Hưng Yên	Loại II
10	Tam Điệp	Ninh Bình	Loại II
II	Vùng Trung du và miền núi phía Bắc		
1	Hà Giang	Hà Giang	Loại II
2	Cao Bằng	Cao Bằng	Loại II
3	Bắc Kạn	Bắc Kạn	Loại II
4	Yên Bái	Yên Bái	Loại II
5	Sông Công	Thái Nguyên	Loại II
6	Phổ Yên	Thái Nguyên	Loại II
7	Lạng Sơn	Lạng Sơn	Loại II
8	Phú Thọ	Phú Thọ	Loại II
9	Điện Biên Phủ	Điện Biên	Loại II
10	Sơn La	Sơn La	Loại II
11	Hòa Bình	Hòa Bình	Loại II
III	Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung		
1	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Loại II
2	Kỳ Anh	Hà Tĩnh	Loại II
3	Đông Hới	Quảng Bình	Loại II
4	Đông Hà	Quảng Trị	Loại II
5	Tam Kỳ	Quảng Nam	Loại II
6	Hội An	Quảng Nam	Loại II
7	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Loại II
8	Sông Cầu	Phú Yên	Loại II
9	Cam Ranh	Khánh Hòa	Loại II

STT	Đô thị	Tỉnh	Dự kiến loại đô thị đến năm 2030
10	Phan Rang - Tháp Chàm	Ninh Thuận	Loại II
11	Phan Thiết	Bình Thuận	Loại II
IV	Vùng Tây nguyên		
1	Gia Nghĩa	Đắk Nông	Loại II
2	Bảo Lộc	Lâm Đồng	Loại II
3	Kon Tum	Kon Tum	Loại II
V	Vùng Đông Nam Bộ		
1	Đồng Xoài	Bình Phước	Loại II
2	Tây Ninh	Tây Ninh	Loại II
3	Bến Cát	Bình Dương	Loại II
4	Tân Uyên	Bình Dương	Loại II
5	Long Khánh	Đồng Nai	Loại II
6	Nhon Trạch*	Đồng Nai	Loại II
7	Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu	Loại II
8	Phú Mỹ	Bà Rịa - Vũng Tàu	Loại II
VI	Vùng đồng bằng sông Cửu Long		
1	Kiến Tường	Long An	Loại II
2	Trà Vinh	Trà Vinh	Loại II
3	Vĩnh Long	Vĩnh Long	Loại II
4	Hồng Ngự	Đồng Tháp	Loại II
5	Châu Đốc	An Giang	Loại II
6	Hà Tiên	Kiên Giang	Loại II
7	Vị Thanh	Hậu Giang	Loại II

Ghi chú:

- Đối với thành phố trực thuộc Trung ương, phương án quy hoạch hệ thống đô thị thực hiện theo quy hoạch thành phố trực thuộc Trung ương và quy hoạch chung thành phố trực thuộc Trung ương được phê duyệt.

- Đối với các đô thị sắp xếp đơn vị hành chính trong giai đoạn 2023 - 2030, tên gọi, phạm vi đô thị, loại đô thị của đô thị sau sắp xếp thực hiện theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, phân loại đô thị và thành lập đơn vị hành chính đô thị.

- (*): Khu vực dự kiến hình thành đô thị. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phát triển đô thị theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, phân loại đô thị và thành lập đơn vị hành chính đô thị.

Bảng 4. Danh mục các đô thị loại III

STT	Đô thị	Tỉnh	Dự kiến loại đô thị đến năm 2030
I	Vùng đồng bằng sông Hồng		
1	Quế Võ	Bắc Ninh	Loại III
2	Thuận Thành	Bắc Ninh	Loại III
3	Yên Phong*	Bắc Ninh	Loại III
4	Tiên Du*	Bắc Ninh	Loại III
5	Tiên Yên*	Quảng Ninh	Loại III
6	Kinh Môn	Hải Dương	Loại III
7	Văn Lâm*	Hưng Yên	Loại III
8	Yên Mỹ*	Hưng Yên	Loại III
9	Thái Thụy*	Thái Bình	Loại III
10	Duy Tiên	Hà Nam	Loại III
II	Vùng Trung du và miền núi phía Bắc		
1	Sa Pa	Lào Cai	Loại III
2	Nghĩa Lộ	Yên Bái	Loại III
3	Việt Yên	Bắc Giang	Loại III
4	Lai Châu	Lai Châu	Loại III
5	Lương Sơn*	Hòa Bình	Loại III
III	Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung		
1	Nghi Sơn	Thanh Hóa	Loại III
2	Sầm Sơn	Thanh Hóa	Loại III
3	Thái Hoà	Nghệ An	Loại III
4	Hoàng Mai	Nghệ An	Loại III
5	Hồng Lĩnh	Hà Tĩnh	Loại III
6	Đức Thọ*	Hà Tĩnh	Loại III
7	Ba Đồn	Quảng Bình	Loại III
8	Quảng Trị	Quảng Trị	Loại III
9	Chân Mây*	Thừa Thiên Huế	Loại III
10	Điện Bàn	Quảng Nam	Loại III
11	Hoài Nhơn	Bình Định	Loại III
12	An Nhơn	Bình Định	Loại III
13	Ninh Hòa	Khánh Hòa	Loại III
14	Đông Hòa	Phú Yên	Loại III
15	La Gi	Bình Thuận	Loại III

STT	Đô thị	Tỉnh	Dự kiến loại đô thị đến năm 2030
IV	Vùng Tây nguyên		
1	An Khê	Gia Lai	Loại III
2	Buôn Hồ	Đắk Lắk	Loại III
3	Đắk Mil*	Đắk Nông	Loại III
4	Đức Trọng*	Lâm Đồng	Loại III
5	Di Linh*	Lâm Đồng	Loại III
6	Đạ Huoai*	Lâm Đồng	Loại III
V	Vùng Đông Nam Bộ		
1	Bình Long	Bình Phước	Loại III
2	Phước Long	Bình Phước	Loại III
3	Chơn Thành	Bình Phước	Loại III
4	Trảng Bàng	Tây Ninh	Loại III
5	Hòa Thành	Tây Ninh	Loại III
6	Gò Dầu*	Tây Ninh	Loại III
7	Long Thành*	Đồng Nai	Loại III
VI	Vùng đồng bằng sông Cửu Long		
1	Bến Lức*	Long An	Loại III
2	Cần Giuộc*	Long An	Loại III
3	Đức Hòa*	Long An	Loại III
4	Cai Lậy	Tiền Giang	Loại III
5	Gò Công	Tiền Giang	Loại III
6	Ba Tri*	Bến Tre	Loại III
7	Mỏ Cày*	Bến Tre	Loại III
8	Bình Đại*	Bến Tre	Loại III
9	Duyên Hải	Trà Vinh	Loại III
10	Bình Minh	Vĩnh Long	Loại III
11	Mỹ An*	Đồng Tháp	Loại III
12	Tân Châu	An Giang	Loại III
13	Tịnh Biên	An Giang	Loại III
14	Kiên Lương*	Kiên Giang	Loại III
15	Ngã Bảy	Hậu Giang	Loại III
16	Long Mỹ	Hậu Giang	Loại III
17	Vĩnh Châu	Sóc Trăng	Loại III

STT	Đô thị	Tỉnh	Dự kiến loại đô thị đến năm 2030
18	Ngã Năm	Sóc Trăng	Loại III
19	Giá Rai	Bạc Liêu	Loại III
20	Sông Đốc*	Cà Mau	Loại III
21	Năm Căn*	Cà Mau	Loại III

Ghi chú:

- Đối với thành phố trực thuộc Trung ương, phương án quy hoạch hệ thống đô thị thực hiện theo quy hoạch thành phố trực thuộc Trung ương và quy hoạch chung thành phố trực thuộc Trung ương được phê duyệt.

- Đối với các đô thị sắp xếp đơn vị hành chính trong giai đoạn 2023 - 2030, tên gọi, phạm vi đô thị, loại đô thị của đô thị sau sắp xếp thực hiện theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, phân loại đô thị và thành lập đơn vị hành chính đô thị.

- (*): Khu vực dự kiến hình thành đô thị. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phát triển đô thị theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, phân loại đô thị và thành lập đơn vị hành chính đô thị.



Phụ lục II

**DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ
QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 891/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên bản vẽ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ giữa Việt Nam với khu vực và thế giới	1/4.000.000
2	Bản đồ hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn năm 2020	1/250.000
3	Bản đồ hiện trạng đánh giá môi trường chiến lược năm 2020	1/250.000
4	Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn - Phân loại đô thị	1/250.000
5	Sơ đồ bố trí không gian các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành	1/250.000
6	Sơ đồ định hướng đánh giá môi trường chiến lược	1/250.000
7	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất vùng đô thị Hà Nội	1/100.000
8	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	1/100.000
9	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất vùng đô thị Đà Nẵng	1/100.000
10	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất vùng đô thị Cần Thơ	1/100.000
11	Sơ đồ định hướng sử dụng đất vùng đô thị Hà Nội	1/100.000
12	Sơ đồ định hướng sử dụng đất vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	1/100.000
13	Sơ đồ định hướng sử dụng đất vùng đô thị Đà Nẵng	1/100.000
14	Sơ đồ định hướng sử dụng đất vùng đô thị Cần Thơ	1/100.000